

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____

Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : BUI THANH HOA (M) Sex: MALE
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 09-11-1953 in SAIGON
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 224 TUNG THIEN VUONG QUAN 8
HOCHIMINH CITY VIETNAM
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 224 TUNG THIEN VUONG QUAN 8
HOCHIMINH CITY VIETNAM
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : WORKER

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Ý: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>TRUONG NGOC MAI</u>	<u>25/05/60</u>	<u>BAXUYEN</u>	<u>FEMALE</u>	<u>(M)</u>	<u>WIFE</u>
2. <u>BUI DINH GIANG SON</u>	<u>25/08/79</u>	<u>HOCHIMINH CITY</u>	<u>MALE</u>	<u>(S)</u>	<u>SON</u>
3. <u>BUI DINH QUOC MINH</u>	<u>25/05/82</u>	<u>HOCHIMINH CITY</u>	<u>MALE</u>	<u>(S)</u>	<u>SON</u>
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	
d. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	:	
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	: Bui THANH PHUOC	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	: OLDER BROTHER	
c. Address Địa-chỉ	KATTESUND 11, 2 M.F DENMARK	

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father Cha	:	Bui VAN AT (DEAD)
2. Mother Mẹ	:	LAM THI TAN (DEAD)
3. Spouse Vợ/Chồng:	:	TRUONG NGOC MAI
4. Former Spouse (if any), Vợ/Chồng trước (nếu có):	:	
5. Children Con cái:	(1)	Bui DINH GIANG SON 25/08/79 SON
	(2)	Bui DINH QUOC MINH 25/05/82 SON
	(3)	
	(4)	
	(5)	
	(6)	
	(7)	
	(8)	
	(9)	
6. Siblings Anh chị em:	(1)	Bui THANH HON (M)
	(2)	Bui NGOC Ly (S)
	(3)	Bui NGOC TUOI (M)
	(4)	Bui THANH TOT (M)
	(5)	Bui THANH PHUOC (M)
	(6)	Bui THANH AN (S)
	(7)	Bui NGOC THUAN (M)
	(8)	Bui THANH THAO (DEAD)
	(9)	Bui NGOC HUONG (M)
	(10)+(11)	Bui THANH PHUONG (S) + Bui THI NGOC BICH (M)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Số/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Số/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Số/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: BUI THANH HOA

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 02/10/72 Đến 30/04/75

3. Last Rank / Serial Number:
Cấp-bậc cuối-cùng : Second Lieutenant Số thẻ nhân-viên: 73/152.032

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đồn-Vị Binh-Chung : LEADER OF PLATOON D 241 REGIONAL FORCES PLAYKU

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : 1st LT. NGUYEN VAN VINH, COMPANY COMMANDER
CAPTAIN HO XUAN THANH, BATTALION COMMANDER
COLONEL DUNG, LEADER OF SUB-DIVISION PLAYKU.

6. Reason for Separation: RE-EDUCATION
Lý do nghỉ việc: RE-EDUCATION

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ: _____

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam: _____

9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phân-thưởng hoặc giấy khen: _____ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes No .)
(CHU-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đường sự có không? Có Không .)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____

2. School and School Address: _____
Trường và địa-chỉ nhà trường: _____

3. Dates: From _____ To _____
Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____

4. Description of Courses: _____
Mô-tả ngành học: _____

5. Who paid for training? _____
Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)
(CHU-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo: BUI THANH HOA

2. Time in Reeducation: From: _____ To: _____
Thời gian học-tập Từ: 27/06/75 Đến: 30/07/77

3. Still in Reeducation? * Yes No
Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có Không **RELEASED**

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)
*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Signature Bui Thanh Hoa Date 14/11/88
Ký tên: pp. BUI THANH HOA Ngày: 14/11/88

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- 1/ one Photocopy of "THE HIGH COMMAND OF DIVISION 500" (BỘ TƯ LỆNH ĐOÀN 500)
That means GIẤY RA TRẠI
- 2/ one Photocopy of "Copy of A MARRIAGE CERTIFICATE" (BẢN SAO GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN)
- 3/ Two Photocopy of "Copy of A BIRTH CERTIFICATE" (BẢN SAO GIẤY KHAI SINH)

TIEN PHONG

TRANSLATION SERVICE®

No 2587

TIEN PHONG
TRANSLATION SERVICE

ARLINGTON, VA. 22201
PHONE :

PEOPLE ARMY OF VIET NAM
No 25/3-QDCH

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence-Liberty-Happiness

THE HIGH COMMAND OF DIVISION 500

- Implementing the lenient policy of the Government of the Socialist Republic of Vietnam toward the Officers, non-commissioned officers of the former regime who are currently placed in re-education in the concentration camp,
- Considering that , during the re-education period , good willingness in the studies, good performances and signs of redemption as well as relentless efforts have been found good,
- Considering the proposal of the direct management and supervision pursuant to Article 7,

D E C I D E S :

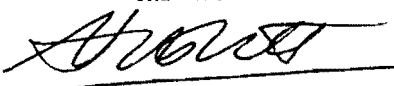
- Article 1 - Authorizes BUI THANH HOA, Born in 1953
Rank : Second Lieutenant Military Serial Number: 71/152032
Position : Leader of Platoon D 241 Regional Forces Playku of the former Regime, who is now under re-education at the concentration camp L19-T5,
to discontinue re-education and to return to join his family at 224 Tung Thien Vuong, District 8, Ho Chi Minh City
(for treatment of illness , recovery of force and contribution to the construction of New Economic Zone)
He must report to the Security Service of the local district where he resides.
- Article 2- Upon his return to his locality or the unit which gives him work, he must comply effectively with the regulations and rules and must accept the supervision and control of the local authorities or the Unit which gives him work. The period of supervision and control lasts 06 months. After that, if the local authorities or the Unit which employs him confirm that there is progress and with the approval of the the local authorities, then he will be officially reinstated in his right as citizen.
- Article 3- The Commander ,direct manager of the camp and the person concerned must implement this Decision.

30 July, 1977

The High Command of the Division
The Political Director
Signed: Colonel Nguyen Duc Bao

THIS IS THE TRUE AND CORRECT
TRANSLATION OF THE ATTACHED
DOCUMENT IN VIETNAMESE

ARLINGTON, OCT 19 1988
TIEN PHONG TRANSLATION SERVICE
THE DIRECTOR



CÔNG AN TỈNH HỒ CHÍ MINH
CÁI LẬY
Ngày 22 tháng 10 năm 1977
Số 22/10/77

Số 25/1-QĐQH

BỘ TƯ LỆNH ĐOÀN

- Thực hiện chính sách khoan hồng của chính phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đối với tù nhân, họ sẽ được thả về quê cũ đang học tập cải huấn ở các trại tập trung.
- Xét tình thân học tập trong quá trình cải huấn biết ăn năn hối cải và phấn đấu tốt.
- Xét đề nghị của đơn vị tiếp nhận và thông qua xét duyệt. **Điều 7.**

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 — Cho **HỒI THÀNH HÒA** sinh **1953**
Cấp **Thiếu úy** số **71/152032**
Chức **Trung đội trưởng D424 ĐPQ Playku**
của chế độ cũ học tập tập trung tại hợp thư **L19-T5** được hoàn học tập
về gia đình **Số 224 Tàng Thiện Vương Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh** (Điều trị bệnh, phục hồi sức khỏe và xây dựng vùng kinh tế mới).

Phải đến trình diện Công an Phường (Xã), Quận (Huyện) địa phương nơi cư trú.

Điều 2 — Khi trở về địa phương hoặc các ngành, đơn vị nhận sử dụng phải chấp hành tốt mọi qui định về luật pháp và chịu sự quản chế của chính quyền cơ sở địa phương hoặc đơn vị nhận sử dụng. Thời gian quản chế **06** tháng, sau thời gian đó nếu chính quyền địa phương hoặc cơ quan đơn vị xác nhận là tiểu bộ và được chính quyền nơi cư trú đồng ý thì sẽ được chính thức khôi phục quyền công dân.

Điều 3 — Bản chỉ huy này trình **Tổ đại tướng và được sự chấp thuận quyết định** thi hành.

Ngày **30** tháng **7** năm **1977**
BỘ TƯ LỆNH ĐOÀN
Chính ủy

GHI CHÚ: — Giấy này không có giá trị đi đường.

— Trong thời gian quản chế, việc qui định (bao nhiêu ngày trình diện do chính quyền địa phương xã, Phường qui định).

Thượng tá: Nguyễn Đức Đạo

TIEN PHONG

TRANSLATION SERVICE ®

No 2584

TIEN PHONG
TRANSLATION SERVICE

ARLINGTON, VA. 22201
PHONE : (

PEOPLE COMMITTEE
Sector 5
District 6
Ho Chi Minh City

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence-Liberty-Happiness

COPY OF A MARRIAGE CERTIFICATE

No 77
Register No 1/1987

	HUSBAND	WIFE
Full name Also Known as	BUI THANH HOA ...	TRUONG NGOC MAI
Date of birth	09 November, 1953	25 May, 1960
Race	Vietnamese	Vietnamese
Nationality	Vietnamese	Vietnamese
Profession	Worker	Housewife
Residence	178/21C Phan van Khoe Sector 5 District 6	178/21C Phan van Khoe Sector 5, District 6
People I.D. Card Number	028049981	020581237

Registered on 5 November, 1987
For the People Committee of Sector 5
District 6

The husband has signed

The Chairwoman

The wife has signed

Signed: TRAN THI THU VAN (seal)

CERTIFIED TRUE COPY OF THE ORIGINAL
9 August, 1988
For the People Committee of Sector 5, District 6
Signed: NGUYEN VAN RY (seal)

THIS IS THE TRUE AND CORRECT
TRANSLATION OF THE ATTACHED
DOCUMENT IN VIET NAMESE

ARLINGTON, OCT 19 1988
TIEN PHONG TRANSLATION SERVICE
THE DIRECTOR



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn: Phường 3
Thị xã, Quận: Quận 6
Thành phố, Tỉnh: Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự Do — Hạnh phúc

Mẫu số HT13/P3

BẢN SAO
GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 77
Quyển số 1/1987

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	BÙI THÀNH HÒA	TRƯƠNG NGỌC MẠI
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	09/11/1953	25/5/1960
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Nam
Nghề nghiệp	Công nhân viên	Hội trợ
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	178/XLC Phan Văn Khỏe Phường 3 Quận 6	
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	028049931	00581237

Người chồng ký

Người vợ ký

Đăng ký, ngày 25 tháng 11 năm 1987
TM/UBND 25/06 Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ, tên chức vụ)

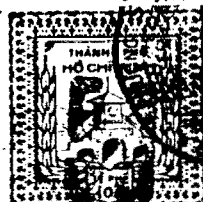
D Ì - K Ý

Chủ tịch
(Đã ký, đóng dấu)

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 29 tháng 08 năm 1988

TM/UBND 13/06 Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ, tên chức vụ)



Nguyễn Thị Mỹ

TIEN PHONG

TRANSLATION SERVICE®

No 2585

TIEN PHONG
TRANSLATION SERVICE

ARLINGTON, VA. 22201
PHONE: (703) 527-1111

PEOPLE COMMITTEE
Sector 4
District 6
Ho Chi Minh City

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence-Liberty-Happiness

COPY OF A BIRTH CERTIFICATE

No 168
Register No 01/79

Full name	BÙI ĐÌNH GIANG SƠN	Male
Date of birth	The twenty-fifth of August, in the year Nineteen hundred and seventy-nine (25 August, 1979)	
Place of birth	146 An Binh	
DECLARATION ON THE PARENTS	FATHER	MOTHER
Full name	Bùi Thanh Hòa	Trưởng Ngọc Mai
Age	1953	1960
Race, Nationality	Vietnamese	Vietnamese
Profession	Worker	Housewife
Residence	224 Tung Thien Vuong	178/21C Nguyen van Thanh
Full name, age, residence, I.D. of the person reporting the birth	Bùi Thành Hòa	

Registered on the 2 June, 1982
The deputy Chairman
Signed : VX(seal)

CERTIFIED TRUE COPY OF THE ORIGINAL
17 August, 1988
For the People Committee of District 6
The Deputy Chief of Bureau
Signed: Ho Ba (seal)

THIS IS THE TRUE AND CORRECT
TRANSLATION OF THE ATTACHED
DOCUMENT IN VIETNAMESE
ARLINGTON, OCT 19 1988
TIEN PHONG TRANSLATION SERVICE
THE DIRECTOR



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn Phường 4

Thị xã, Quận 6

Thành phố, Tỉnh HCM

BẢN SAO

Số 168

GIẤY KHAI SINH

Quyền số 01/79

Họ và tên	BUI ĐÌNH GIANG SƠN		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	Hai lăm tháng tám năm một chín bảy chín (25/8/1979)		
Nơi sinh	146 An bình		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Bui Thanh Hòa 1953	Trương ngọc Mai 1960	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt-nam	Kinh	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Công nhân 224 Tung thiên vương	Nội trợ 178/21C Nguyễn văn thành	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Bui Thanh Hòa		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 12 tháng 8 năm 1988

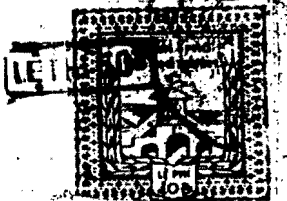
TM/UBND 06 ký tên đóng dấu
Phó Văn Phòng

Đăng ký ngày 2 tháng 6 năm 1982

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Phó chủ tịch

Đã ký: V.X



Phó BA

TIEN PHONG

TRANSLATION SERVICE®

No 2586

TIEN PHONG
TRANSLATION SERVICE
ARLINGTON, VA.22201
PHONE : (

PEOPLE COMMITTEE
District : 6
Ho Chi Minh City

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence-Liberty-Happiness

COPY OF A BIRTH CERTIFICATE

No 1810
Register No 01/82

Full name	BÙI ĐÌNH QUỐC MINH	Male
Date of birth	The twenty-fifth of May, in the year Nineteen hundred and eighty-two (25 May, 1982)	
Place of birth	An Binh Hospital	
DECLARATIONS ON THE PARENTS	FATHER	MOTHER
Full name	Bùi Thành Hòa	Trưởng Ngọc Mai
Age	1953	1960
Race, Nationality	Vietnamese	Vietnamese
Profession	Worker	Housewife
Residence	224 Tung Thien Vuong	178/21C Nguyen van Thanh
Full name, age, Residence, I.D. of the person reporting the birth	Bùi Thành Hòa	

Registered on the 2 June, 1982
The deputy chairman
Signed: Vo Van Loi

CERTIFIED TRUE COPY OF THE ORIGINAL
16 August, 1988

For the People Committee of District 6
The Deputy Chief of Bureau
Signed: Nguyen Kim Hong (seal)

THIS IS THE TRUE AND CORRECT
TRANSLATION OF THE ATTACHED
DOCUMENT IN VIETNAMESE

ARLINGTON, OCT 19 1988
TIEN PHONG TRANSLATION SERVICE
THE DIRECTOR



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn Sầu
Thị xã, Quận HCM
Thành phố, TỉnhBẢN SAO
GIẤY KHAI SINHSố 1810Quyền số 01/02

Họ và tên	BUI DINH CUOC HINH		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	Hai lăm tháng năm, năm một chín tám hai (25/5/1982)		
Nơi sinh	Bệnh viện an binh		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Bùi thành Hòa 1953	Trương ngọc Mai 1960	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt-nam	Kinh	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Công nhân 224 Tung thiên vương	Nội trợ 178/21E Nguyễn văn thành	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng mình hoặc CNCC của người đứng khai	Bùi Thành Hòa		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 16 tháng 8 năm 1988TM/UBND Quận 6 ký tên đóng dấu
KT Chánh Văn Phòng
Phó Văn PhòngĐăng ký ngày 02 tháng 6 năm 1992

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Phó chủ tịch
Đã ký: Võ Văn Lợi

Nguyễn Kim Hồng

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____

Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:

Gửi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : Bui THANH HOA (M) Sex: Phái MALE
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 09-11-1953 in SAIGON
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 224 TUNG THIEN VUONG QUAN 8
HOCHIMINH CITY VIETNAM
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 224 TUNG THIEN VUONG QUAN 8
HOCHIMINH CITY VIETNAM
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : WORKER

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-Ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. TRUONG NGOC MAI	25/05/60	BAXUYEN	FEMALE	(M)	WIFE
2. Bui DINH GIANG SON	25/08/79	HOCHIMINH CITY	MALE	(S)	SON
3. Bui DINH QUOC MINH	25/05/82	HOCHIMINH CITY	MALE	(S)	SON
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngữ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	
D. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	:	
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	: BUI THANH PHUOC	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	: OLDER BROTHER	
c. Address Địa-chỉ	: KATTESUND 11, 2 M.F DENMARK	

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father Cha	:	BUI VAN AT (DEAD)
2. Mother Mẹ	:	LAM THI TAN (DEAD)
3. Spouse Vợ/Chồng:	:	TRUONG NGOC MAI
4. Former Spouse (if any), Vợ/Chồng trước (nếu có):	:	
5. Children Con cái:	(1)	BUI DINH GIANG SON 25/08/79 SON
	(2)	BUI DINH QUOC MINH 25/05/82 SON
	(3)	
	(4)	
	(5)	
	(6)	
	(7)	
	(8)	
	(9)	
6. Siblings Anh chị em:	(1)	BUI THANH HON (M)
	(2)	BUI NGOC LY (S)
	(3)	BUI NGOC TUOI (M)
	(4)	BUI THANH TOT (M)
	(5)	BUI THANH PHUOC (M)
	(6)	BUI THANH AN (S)
	(7)	BUI NGOC THUAN (M)
	(8)	BUI THANH THAO (DEAD)
	(9)	BUI NGOC HUONG (M)
	(10)+(11)	BUI THANH PHUONG (S) + BUI THI NGOC BICH (M)

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: BUI THANH HOA

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 02/10/72 Đến 30/04/75

3. Last Rank / Serial Number:
Cấp-bậc cuối-cùng : Second Lieutenant Số thẻ nhân-viên: 73/152.032

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/số/Đoàn-Vị Binh-Chung : LEADER OF PLATOON D 241 REGIONAL FORCES
PLAYKU

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : 1st LT. NGUYEN VAN VINH, COMPANY COMMANDER
CAPTAIN HO XUAN THANH, BATTALION COMMANDER
COLONEL DUNG, LEADER OF SUB-DIVISION PLAYKU.

6. Reason for Separation: RE-EDUCATION
 Lý do nghỉ việc: RE-EDUCATION
7. Names of American Advisor(s):
 Họ tên cố-vấn Mỹ: _____
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
 Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
 tại Viet-Nam: _____
9. U.S. Awards or Certificates
 Name of award: _____ Date received: _____
 Phần-thưởng hoặc giấy khen: _____ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
 Available? Yes No .)
 (CHU-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. nếu
 Đồng ý có không? Có Không .)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
 Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____
2. School and School Address: _____
 Trường và địa-chỉ nhà trường: _____
3. Dates: From _____ To _____
 Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____
4. Description of Courses: _____
 Mô-tả ngành học: _____
5. Who paid for training? _____
 Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)
 (CHU-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
 Họ tên người đi học-tập cải-tạo: BUI THANH HOA
2. Time in Reeducation: From: _____ To: _____
 Thời gian học-tập Từ: 27/06/75 Đến: 30/07/77
3. Still in Reeducation? * Yes No
 Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có Không **RELEASED**

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)
 *(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Signature Bui Thanh Hoa Date 14/11/88
 Ký tên: pp. BUI THANH HOA Ngày: 14/11/88

- J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
 Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này
- 1/ one photocopy of "THE HIGH COMMAND OF DIVISION 500" (BỘ TƯ LỆNH ĐOÀN 500)
 That means GIẤY RA TRẠI
- 2/ one photocopy of "Copy of A MARRIAGE CERTIFICATE" (BẢN SAO GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN)
- 3/ Two photocopy of "Copy of A BIRTH CERTIFICATE" (BẢN SAO GIẤY KHAI SINH)

TIEN PHONG

TRANSLATION SERVICE®

No 2587

TIEN PHONG
TRANSLATION SERVICE

ARLINGTON, VA. 22201
PHONE :

PEOPLE ARMY OF VIET NAM
No 25/3-QDCH

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence-Liberty-Happiness

THE HIGH COMMAND OF DIVISION 500

- Implementing the lenient policy of the Government of the Socialist Republic of Vietnam toward the Officers, non-commissioned officers of the former regime who are currently placed in re-education in the concentration camp,
- Considering that , during the re-education period , good willingness in the studies, good performances and signs of redemption as well as relentless efforts have been found good,
- Considering the proposal of the direct management and supervision pursuant to Article 7,

D E C I D E S :

- Article 1 - Authorizes BUI THANH HOA, Born in 1953
Rank : Second Lieutenant Military Serial Number: 71/152032
Position : Leader of Platoon D 241 Regional Forces Playku
of the former Regime, who is now under re-education at the
concentration camp L19-T5,
to discontinue re-education and to return to join his family
at 224 Tung Thien Vuong, District 8, Ho Chi Minh City
(for treatment of illness , recovery of force and contribution
to the construction of New Economic Zone)
He must report to the Security Service of the local district
where he resides.
- Article 2- Upon his return to his locality or the unit which gives him
work, he must comply effectively with the regulations and rules
and must accept the supervision and control of the local
authorities or the Unit which gives him work. The period of
supervision and control lasts 06 months. After that, if the
local authorities or the Unit which employs him confirm that
there is progress and with the approval of the the local
authorities, then he will be officially reinstated in his
right as citizen.
- Article 3- The Commander , direct manager of the camp and the person
concerned must implement this Decision.

30 July, 1977

The High Command of the Division
The Political Director
Signed: Colonel Nguyen Duc Bao

THIS IS THE TRUE AND CORRECT
TRANSLATION OF THE ATTACHED
DOCUMENT IN VIETNAMESE

ARLINGTON, OCT 19 1988
TIEN PHONG TRANSLATION SERVICE
THE DIRECTOR



QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Độc Lập -

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH

CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Ngày 22/10/1979

100-443887-11

BỘ TƯ LỆNH ĐOÀN

- Thực hiện chính sách khoan hồng của chính phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đối với tù quân, họ sĩ quân thuộc chế độ cũ đang học tập cải huấn, các trại tập trung.
- Xét tinh thần học tập trong quá trình cải huấn biết ăn năn hối cải và phấn đấu tốt.
- Xét đề nghị của đơn vị, chi đoàn, chi đội đề nghị khen thưởng qua xét duyệt. **Điều 7.**

QUYẾT ĐỊNH

Đầu 1 - Cho HUI THANH HOA sinh 1953
Cấp Thiếu úy số 71/152032
Chức Trung đội trưởng ĐQĐBPQ Playku.

của chế độ cũ học tập trung tại hợp thư LL9-T5, được hoãn học tập
về gia đình. Số 224, Tầng Thiện Vương Quận 8 Thành
phố Hồ Chí Minh. (Điều trị bệnh, phục hồi
sức khỏe và xây dựng vòng kinh trở lại).

Phải đến trình diện Công an Phường (Xã), Quận (Huyện) địa phương nơi cư trú.

Điều 2 — Khi trở về địa phương hoặc các ngành, đơn vị nhận sử dụng phải chấp hành tốt mọi qui định về luật pháp và chịu sự quản chế của chính quyền cơ sở địa phương hoặc đơn vị nhận sử dụng. Thời gian quản chế 06 tháng, sau thời gian đó nếu chính quyền địa phương hoặc cơ quan đơn vị xác nhận là tiến bộ và được chính quyền nơi cư trú đồng ý thì sẽ được chính thức khôi phục quyền công dân.

~~Điều 2. Ban chỉ huy trại giam ở~~ ~~trên địa phương và đường đi~~ ~~đều quyết định~~
~~thời hạn.~~

Ngày...**30** tháng...**7**...năm 197**7**.....

BỘ TƯ LỆNH ĐOÀN

Chỉnh lý

GHI CHÚ: — Giấy này không có giá trị di động.

— Trong thời gian quân chế, việc qui định (bao nhiêu ngày trình diện do chính quyền địa phương xã, Phường qui định).

Thượng tá: Nguyễn Đức Báo

TIEN PHONG

TRANSLATION SERVICE®

No 2584 TIENT PHONG
TRANSLATION SERVICE
ARLINGTON, VA.22201
PHONE :

PEOPLE COMMITTEE
Sector 5
District 6
Ho Chi Minh City

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence-Liberty-Happiness

COPY OF A MARRIAGE CERTIFICATE

No 77
Register No 1/1987

	HUSBAND	WIFE
Full name Also Known as	BUI THANH HOA ...	TRUONG NGOC MAI
Date of birth	09 November, 1953	25 May, 1960
Race	Vietnamese	Vietnamese
Nationality	Vietnamese	Vietnamese
Profession	Worker	Housewife
Residence	178/21C Phan van Khoe Sector 5 District 6	178/21C Phan van Khoe Sector 5, District 6
People I.D. Card Number	028049981	020581237

Registered on 5 November, 1987
For the People Committee of Sector 5
District 6

The husband has signed

The Chairwoman

The wife has signed

Signed: TRAN THI THU VAN (seal)

CERTIFIED TRUE COPY OF THE ORIGINAL
9 August, 1988
For the People Committee of Sector 5, District 6
Signed: NGUYEN VAN RY (seal)

THIS IS THE TRUE AND CORRECT
TRANSLATION OF THE ATTACHED
DOCUMENT IN VIETNAMESE

ARLINGTON, OCT 19 1988
TIEN PHONG TRANSLATION SERVICE
THE DIRECTOR



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn: Phường 5
Thị xã, Quận: Quận 6
Thành phố, Tỉnh: Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự Do — Hạnh phúc

Mẫu số HT13/P3

BẢN SAO
GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 77
Quyển số 1/1987

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	BÙI THANH HÒA	TRƯƠNG NGỌC MẠI
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	09/11/1953	25/5/1960
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Nam
Nghề nghiệp	Công nhân viên	Hội trợ
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	178/210 Phan Văn Khỏe Phường 5 Quận 6	
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	028045981	00581237

Người chồng ký

Người vợ ký

Đăng ký, ngày 25 tháng 11 năm 1987
TM/UBND 25/06 Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ, tên chức vụ)

Đ - A - K - Ý

Chủ tịch
(Đã ký, đóng dấu)
TRẦN THỊ THU VÂN

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 29 tháng 09 năm 1988

TM/UBND 17/06 Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ, tên chức vụ)



Nguyễn Văn Tý

TIEN PHONG

TRANSLATION SERVICE®

No 2585

TIEN PHONG
TRANSLATION SERVICE

ARLINGTON, VA. 22201
PHONE: (

PEOPLE COMMITTEE
Sector 4
District 6
Ho Chi Minh City

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence-Liberty-Happiness

COPY OF A BIRTH CERTIFICATE

No 168
Register No 01/79

Full name	BÙI ĐÌNH GIANG SƠN	Male
Date of birth	The twenty-fifth of August, in the year Nineteen hundred and seventy-nine (25 August, 1979)	
Place of birth	146 An Binh	
DECLARATION ON THE PARENTS	FATHER	MOTHER
Full name	Bùi Thanh Hòa	Trưởng Ngọc Mai
Age	1953	1960
Race, Nationality	Vietnamese	Vietnamese
Profession	Worker	Housewife
Residence	224 Tung Thien Vuong	178/21C Nguyen van Thanh
Full name, age, residence, I.D. of the person reporting the birth	Bùi Thành Hòa	

Registered on the 2 June, 1982
The deputy Chairman
Signed : VX(seal)

CERTIFIED TRUE COPY OF THE ORIGINAL
17 August, 1988
For the People Committee of District 6
The Deputy Chief of Bureau
Signed: Ho Ba (seal)

THIS IS THE TRUE AND CORRECT
TRANSLATION OF THE ATTACHED
DOCUMENT IN VIETNAMESE

ARLINGTON, OCT 19 1988
TIEN PHONG TRANSLATION SERVICE
THE DIRECTOR



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Phường 4
Thị xã, Quận 6
Thành phố, Tỉnh HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 168
Quyền số 01/79

Họ và tên	BUI ĐÌNH GIANG SƠN		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	Hai lăm tháng tám năm một chín bảy chín (25/8/1979)		
Nơi sinh	146 An bình		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Bui Thanh Hòa 1953	Trương ngọc Mai 1960	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt-nam	Kinh	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Công nhân 224 Tung thiên vương	Nội trợ 178/21C Nguyễn văn thành	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Bui Thanh Hòa		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 1 tháng 8 năm 1988

TM/UBND

06

ký tên đóng dấu

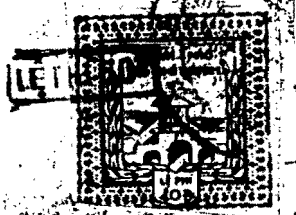
Phó Văn Phòng

Đăng ký ngày 2 tháng 6 năm 1982

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Phó chủ tịch

Đã ký: V.X



Phó Ban

TIEN PHONG

TRANSLATION SERVICE®

No 2586

TIEN PHONG
TRANSLATION SERVICE

ARLINGTON, VA. 22201
PHONE: (703) 527-1111

PEOPLE COMMITTEE
District : 6
Ho Chi Minh City

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence-Liberty-Happiness

COPY OF A BIRTH CERTIFICATE

No 1810
Register No 01/82

Full name	BÙI ĐÌNH QUỐC MINH	Male
Date of birth	The twenty-fifth of May, in the year Nineteen hundred and eighty-two (25 May, 1982)	
Place of birth	An Binh Hospital	
DECLARATIONS ON THE PARENTS	FATHER	MOTHER
Full name	Bùi Thành Hòa	Trưởng Ngọc Mai
Age	1953	1960
Race, Nationality	Vietnamese	Vietnamese
Profession	Worker	Housewife
Residence	224 Tung Thien Vuong	178/21C Nguyen van Thanh
Full name, age, Residence, I.D. of the person reporting the birth	Bùi Thành Hòa	

Registered on the 2 June, 1982
The deputy chairman
Signed: Vo Van Loi

CERTIFIED TRUE COPY OF THE ORIGINAL
16 August, 1988

For the People Committee of District 6
The Deputy Chief of Bureau
Signed: Nguyen Kim Hong (seal)

THIS IS THE TRUE AND CORRECT
TRANSLATION OF THE ATTACHED
DOCUMENT IN VIETNAMESE

ARLINGTON, OCT 19 1988
TIEN PHONG TRANSLATION SERVICE
THE DIRECTOR



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn Sầu
Thị xã, Quận HCM
Thành phố, Tỉnh

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 1410

Quyền số 01/02

Họ và tên	BUI DINH CUOC HINH		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	Hai lăm tháng năm, năm một chín tám hai (25/5/1982)		
Nơi sinh	Bệnh viện an binh		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Bùi thành Hòa 1953	Trương ngọc Mai 1960	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Công nhân 224 Tung thiên vương	Nội trợ 178/21 Nguyễn văn thành	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Bùi Thành Hòa		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 16 tháng 8 năm 1988

TM/UBND Quận 6 ký tên đóng dấu
KT Chánh Văn Phòng
Phó Văn Phòng

Đăng ký ngày 02 tháng 6 năm 1992

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Phó chủ tịch

Đã ký: Võ Văn Lợi

Nguyễn Kim Hồng